



**3. Vũ Văn H1**, sinh ngày 17/10/1968; giới tính: Nam; nơi ĐKNKTT: tổ 15A, khu Lạc Th1, phường Yên Th1, thành phố Uông B, tỉnh Quảng Ninh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Đội trưởng Đội bảo vệ khu vực Vàng D thuộc Phòng Thanh tra, Pháp chế, Quân sự, Bảo vệ và Kiểm toán nội bộ của Công ty kho vận Đá Bạc - Vinacomin; chức vụ (Đảng, chính quyền, đoàn thể) trước khi phạm tội: Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam (đã đình chỉ sinh hoạt); trình độ học vấn: Lớp 12/12; con ông Vũ Văn Ph1 (đã chết) và bà Phạm Thị L3; có vợ là Phạm Thị Th2 và có 02 con, con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo đầu thú và bị tạm giữ từ ngày 14/02/2019, đến ngày 17/5/2019 được thay thế biện pháp tạm giam, hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt tại phiên tòa.

**4. Vũ Hồng H2**, sinh ngày 10/12/1976; giới tính: Nam; nơi ĐKNKTT: tổ 5, khu 4, phường Vàng D, thành phố Uông B, tỉnh Quảng Ninh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 10/12; con ông Vũ Hồng Q1 (đã chết) và bà Dương Thị Th2; có vợ là Bùi Thị H2 và có 02 con, con lớn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo đầu thú và bị tạm giữ từ ngày 14/02/2019, đến ngày 26/4/2019 được thay thế biện pháp tạm giam, hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt tại phiên tòa.

**5. Trịnh Chí L4**, sinh ngày 26/11/1973; giới tính: Nam; nơi ĐKNKTT: tổ 8, khu 1, phường Vàng D, thành phố Uông B, tỉnh Quảng Ninh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: Lớp 7/12; con ông Trịnh Xuân Th3 và bà Phùng Thị S; có vợ là Vũ Thị T và có 02 con, con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo đầu thú và bị tạm giữ, giam từ ngày 14/02/2019 đến nay; Có mặt tại phiên tòa.

**6. Lê Mạnh H3**, sinh ngày 09/10/1965; giới tính: Nam; nơi cư trú: tổ 2, khu 8, phường Thanh S, thành phố Uông B, tỉnh Quảng Ninh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Công nhân lái máy xúc Công ty kho vận Đá Bạc - Vinacomin; trình độ học vấn: Lớp 7/10; con ông Lê Văn H4 và bà Phạm Thị H5; có vợ là Lưu Thị Th4 và có 02 con, con lớn sinh năm 1993, con nhỏ sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo đầu thú và bị tạm giữ từ ngày 14/02/2019, đến ngày 26/4/2019 được thay thế biện pháp tạm giam, hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt tại phiên tòa.

**7. Lê Hồng Q2**, sinh ngày 17/10/1994; giới tính: Nam; nơi ĐKNKTT: tổ 1, khu 10, phường Thanh S, thành phố Uông B, tỉnh Quảng Ninh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Công nhân lái máy xúc Công ty kho vận Đá Bạc - Vinacomin; trình độ học vấn: Lớp 12/12; con ông Lê Thanh H6 (đã chết) và bà Hoàng Thị M; có vợ là Đinh Thị Huyền Tr và có 01 con sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo đầu thú và bị tạm giữ từ ngày 13/02/2019, đến ngày 17/5/2019 được thay thế biện pháp tạm giam, hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt tại phiên tòa.

**8. Trương Văn C**, sinh ngày 12/3/1986; giới tính: Nam; nơi ĐKNKTT: thôn Quan Đ, xã Thượng Yên C1, thành phố Uông B, tỉnh Quảng Ninh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Dao; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Bảo vệ Đội bảo vệ khu vực Vàng D - Công ty kho vận Đá Bạc - Vinacomin. trình độ học vấn: Lớp 6/12; con ông Trương Văn S1 và bà Trương Thị H8; có vợ là Nguyễn Thị Nh và có 02 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo đầu thú và bị tạm giữ, giam từ ngày 14/02/2019 đến nay; Có mặt tại phiên tòa.

**9. Trương Quốc N**, sinh ngày 20/11/1980; giới tính: Nam; nơi cư trú: thôn Quan Đ, xã Thượng Yên C1, thành phố Uông B, tỉnh Quảng Ninh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Dao; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Bảo vệ Đội bảo vệ khu vực Vàng D - Công ty kho vận Đá Bạc – Vinacomin; trình độ học vấn: Lớp 9/12; con ông Trương Quốc Q3 (đã chết) và bà Nguyễn Thị D1; có vợ là Vũ Thị H7 và có 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo đầu thú và bị tạm giữ, giam từ ngày 13/02/2019 đến nay; Có mặt tại phiên tòa.

**\* Bị hại có kháng cáo:** Công ty PT. Vietmindong Energitama;

Địa chỉ: thôn Uông Th5, phường Vàng D, thành phố Uông B, tỉnh Quảng Ninh;

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Eko Satriyono - Chức vụ: Tổng giám đốc điều hành, vắng mặt, đã có ủy quyền cho Priya Sadaya.

- Người phiên dịch cho ông Eko Satriyono: Bà Đào Thị Quỳnh H9; có mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty PT. Vietmindong Energitam:* Luật sư Trần Tuấn A và luật sư Lại Thu Tr - Công ty luật hợp danh Minh Bạch, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; đều có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, trong vụ án còn có những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, Tòa không triệu tập.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty PT.Vietmindong Energitama (viết tắt là Công ty Vietmindong) là doanh nghiệp Indonesia, có 100% vốn nước ngoài được cấp giấy phép hợp tác hoạt động kinh doanh khai thác-chế biến và xuất khẩu than tại khu mỏ Đồng Vông - Uông Th5, thành phố Uông B; trụ sở công ty tại: phường Vàng D, thành phố Uông B, tỉnh Quảng Ninh. Ngày 03/01/2019, Công ty Vietmindong ký hợp đồng thuê Công ty kho vận Đá Bạc - Vinacomin (thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than -Khoáng sản Việt Nam) vận chuyển sản phẩm than bằng đường sắt từ kho than Khe Thần ra cảng Điện Công và thuê mặt bằng kho than Khe Thần với diện tích 10.731m<sup>2</sup> tại thôn Khe Thần, xã Thượng Yên Công, thành phố Uông B để phục vụ tập kết than. Hợp đồng quy định: Bảo vệ của công ty Vietmindong có trách nhiệm trông coi, bảo

vệ. Kho than Khe Thần là nơi tập kết than của Công ty kho vận Đá Bạc, Công ty Vietmindơ và Công ty than Nam Mẫu. Để vận chuyển than bằng đường bộ ra vào kho than Khe Thần của Công ty Vietmindơ, các phương tiện phải đi qua cổng sắt phía Tây hoặc cổng bảo vệ có barie phía Đông của Công ty kho vận Đá Bạc (do các nhân viên bảo vệ Đội bảo vệ khu vực Vàng D thuộc Phòng Thanh tra, Pháp chế, Quân sự, Bảo vệ và Kiểm toán nội bộ của Công ty kho vận Đá Bạc quản lý, kiểm soát) và trạm bảo vệ có cổng khóa của Công ty Vietmindơ (do nhân viên bảo vệ của Công ty Vietmindơ kiểm soát và trong ca trực được giao trực tiếp quản lý, bảo vệ than, tài sản của Công ty trong kho than Khe Thần).

*Vụ thứ nhất:* Khoảng 19 giờ ngày 27/01/2019, Vũ Văn H1 gọi điện thoại báo Nguyễn Hùng V đến Trạm giám sát camera của Đội bảo vệ khu vực Vàng D - Công ty kho vận Đá Bạc và bàn bạc với V cùng rủ Lê Văn Ph chiếm đoạt than tại kho than Khe Thần của Công ty Vietmindơ trong ca trực của Ph. V có nhiệm vụ liên hệ với Ph, đưa phương tiện vào chở than, trực tiếp nhờ bảo vệ, lái máy xúc của Công ty kho vận Đá Bạc mở cổng, xúc than lên xe; còn H1 chịu trách nhiệm chung về an toàn và sẽ ra mặt nếu bảo vệ, lái máy xúc của Công ty kho vận Đá Bạc không đồng ý tham gia. Tiếp đó, V gọi điện thoại cho Vũ Hồng H2 (chuyên thu mua than trôi nổi và có bãi tập kết than ở tổ 10, khu 1, phường Vàng D, thành phố Uông B) báo H2 đưa 02 xe ô tô tải vào kho than Khe Thần, vận chuyển than V thông đồng với bảo vệ chiếm đoạt được của Công ty Vietmindơ ra bên ngoài, thống nhất bán 02 xe than cho H2. H2 đồng ý và gọi điện thoại rủ Trịnh Chí L4 chuẩn bị 02 xe ô tô tải, cùng nhau góp tiền mua 02 xe than do V thông đồng với bảo vệ chiếm đoạt của Công ty Vietmindơ, chở về đỗ tại bãi tập kết than của H2 để bán kiếm lời chia nhau. L4 đồng ý tham gia và gọi điện thoại rủ anh Hoàng Mạnh H3 lái xe tải của anh H3 đi theo xe tải của L4 vào kho than Khe Thần chở than thuê (Hoàng Mạnh H3 không biết nguồn gốc than chiếm đoạt của Công ty Vietmindơ). Khoảng 01 giờ ngày 28/01/2019, V gọi điện thoại rủ Ph đến Trạm giám sát camera (cách trạm bảo vệ của Công ty Vietmindơ nơi Ph đang trực ca khoảng 100m), H1 rủ Ph chiếm đoạt than của Công ty Vietmindơ bán lấy tiền chia nhau, Ph có nhiệm vụ mở cổng kho than Khe Thần, tắt điện để ngắt hệ thống camera, V và H1 có trách nhiệm đưa người, phương tiện vào chở than ra ngoài bán, Ph đồng ý. Sau đó, V lần lượt gọi Trương Văn C (đang trực bảo vệ, quản lý chìa khóa cổng phía Tây) và Lê Mạnh H3 (đang trực lái máy xúc tại kho than của Công ty kho vận Đá Bạc) đến Trạm giám sát camera, H1 và V cùng đặt vấn đề bảo C mở cổng cho xe tải đi vào, bảo Lê Mạnh H3 điều khiển máy xúc vào kho than Khe Thần xúc than lên xe ô tô tải. C và Lê Mạnh H3 biết V và H1 thông đồng với bảo vệ kho than Khe Thần chiếm đoạt than của Công ty Vietmindơ nhưng do được hứa hẹn chia tiền bồi dưỡng và nể nang H1 nên đều đồng ý tham gia.

Sau khi liên lạc với nhau qua điện thoại, L4 điều khiển xe ô tô tải BKS 14C-390.71, còn anh Hoàng Mạnh H3 điều khiển xe ô tô tải BKS 14C-120.00 đi vào kho than Khe Thần qua cổng sắt phía Tây của Công ty kho vận Đá Bạc, đã được V bảo

C mở sẵn (02 xe ô tô đều tắt đèn). Cùng lúc này, Lê Mạnh H3 cũng điều khiển máy xúc từ kho than của Công ty kho vận Đá Bạc sang kho than của Công ty Vietmindo; V đi xe mô tô dẫn đường cho các phương tiện. Khoảng 03 giờ 25 phút cùng ngày, như đã thống nhất với V và H1 từ trước, khi thấy các phương tiện đến, Ph tắt điện để ngắt hệ thống camera, mở cổng kho than Khe Thần của Công ty Vietmindo để các phương tiện di chuyển vào trong bãi than. Lê Mạnh H3 điều khiển máy xúc lần lượt xúc than lên 02 xe ô tô tải để L4 và anh Hoàng Mạnh H3 điều khiển chở than về đổ tại bãi của H2. V và Ph bảo Lê Mạnh H3 vận hành máy xúc vun lại đồng than trong kho như cũ nhằm tránh bị phát hiện, Ph khóa cổng kho than lại rồi người nào về lại vị trí làm việc của người đó.

Sau đó, H2 trả tiền mua 02 xe than cho V là 48.000.000 đồng và gọi điện thoại cho anh Nguyễn Bình Ch nói có than thu gom trôi nổi bán, anh Ch không biết nguồn gốc than là do chiếm đoạt của Công ty Vietmindo và đồng ý mua với giá 1.550.000 đồng/01 tấn. Anh Ch mượn xe ô tô tải BKS 14C-121.82 của anh Nguyễn Trung Hải là anh trai ruột của Ch và thuê anh Phạm Văn Phong lái xe đến bãi than của H2. H2 điều khiển máy xúc (mượn của em trai mình) xúc toàn bộ số than mua của V lên xe ô tô, anh Phong lần lượt chở 03 chuyến than đi cân tại Công ty TNHH Báu Khởi (xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí) được tổng số 53,99 tấn than/03 xe, rồi chở đến đổ tại xã Gia Minh, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Cùng ngày, anh Ch thanh toán tiền mua 03 xe than cho H2 là 79.050.000 đồng và bán toàn bộ số than trên cho một người đàn ông không quen biết được 92.750.000 đồng. H2 và L4 góp tiền mua than của V được hưởng lợi 31.050.000 đồng chia nhau, L4 trả tiền công chở thuê cho anh Hoàng Mạnh H3 2.000.000 đồng. Sau khi nhận số tiền 48.000.000 đồng bán than cho H2, V chia cho Ph 22.000.000 đồng, Lê Mạnh H3 và C mỗi người 3.000.000 đồng, H1 và V mỗi người được hưởng 10.000.000 đồng.

*Vụ thứ hai:* Với phương thức, thủ đoạn tương tự như trên thì chiều ngày 12/02/2019, V gặp và thống nhất với H1 tiếp tục thông đồng với Ph chiếm đoạt than tại kho than Khe Thần của Công ty Vietmindo. V gọi điện thoại bảo Ph đến Trạm giám sát camera và cùng H1 rủ Ph chiếm đoạt than của Công ty Vietmindo bán lấy tiền chia nhau như ngày 28/01/2019, Ph đồng ý. Tiếp đó, V gọi điện thoại cho H2 bảo bố trí 02 xe ô tô tải vào kho than Khe Thần, vận chuyển than V thông đồng với bảo vệ chiếm đoạt của Công ty Vietmindo và bán 02 xe than này cho H2. H2 đồng ý nên gọi điện thoại rủ L4 góp tiền mua than do V chiếm đoạt được và bảo L4 chuẩn bị 02 xe ô tô tải để vận chuyển than về đổ tại bãi tập kết than của H2. L4 đồng ý tham gia và gọi điện thoại bảo anh Hoàng Mạnh H3 cùng đi chở than thuê (H3 không biết nguồn gốc than chiếm đoạt của Công ty Vietmindo). Khoảng 2h30' ngày 13/2/2019, V đặt vấn đề với Trương Quốc N (đang trực bảo vệ, quản lý chìa khóa cổng phía Tây) bảo N mở cổng cho xe tải đi vào kho than Khe Thần; sau đó V gọi điện thoại bảo Lê Hồng Q2 (đang trực lái máy xúc tại kho than của Công ty kho vận Đá Bạc) đến Trạm giám sát camera, V và H1 bảo

Q2 điều khiển máy xúc vào kho than Khe Thần xúc than lên xe ô tô tải. N và Q2 biết V và H1 thông đồng với bảo vệ kho than Khe Thần chiếm đoạt than của Công ty Vietmindo nhưng do được hứa hẹn chia tiền bồi dưỡng và nể nang nên đều đồng ý tham gia. Sau khi liên lạc với nhau qua điện thoại, Q2 điều khiển máy xúc từ kho than của Công ty kho vận Đá Bạc sang kho than của Công ty Vietmindo; L4 và anh Hoàng Mạnh H3 mỗi người điều khiển một xe ô tô tải đi vào kho than Khe Thần qua cổng sắt phía Tây, đã được V bảo N mở sẵn (02 xe ô tô đều tắt đèn). Khoảng gần 03 giờ cùng ngày, Ph tắt điện để ngắt hệ thống camera, mở cổng cho các phương tiện di chuyển vào trong bãi than của Công ty Vietmindo. Q2 điều khiển máy xúc lần lượt xúc than lên 02 xe ô tô tải để L4 và anh Hoàng Mạnh H3 điều khiển chở than về đổ tại bãi của H2. H2 thỏa thuận bán số than trên cho anh Ch với giá 1.550.000 đồng/01 tấn (Ch không biết nguồn gốc than là do chiếm đoạt của Công ty Vietmindo). Anh Ch thuê anh Phạm Văn Phong lái xe ô tô tải 14C-121.82 đến bãi than của H2 nhận than, lần lượt chở 03 chuyến than đi cân tại Công ty TNHH Báu Khởi và Công ty TNHH Nam Hưng được tổng số 52,707 tấn than/03 xe, rồi chở đến đổ tại xã Gia Minh, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Cùng ngày, anh Ch bán toàn bộ số than trên cho một người đàn ông không quen biết được 90.000.000 đồng. Ch mới tạm ứng cho H2 20.000.000 đồng, H2 bỏ ra thêm 5.000.000 đồng và thanh toán trước cho V 25.000.000 đồng (còn nợ lại theo thỏa thuận là 23.000.000 đồng). V chia cho Ph 20.000.000 đồng, Q2 3.000.000 đồng và giữ lại 2.000.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã thu giữ các mẫu than tại kho than Khe Thần của Công ty Vietmindo và tại vị trí Nguyễn Bình Ch vận chuyển tiêu thụ tại xã Gia Minh, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Tại các Chứng thư giám định về chất lượng ngày 16/02/2019 và ngày 06/3/2019 của Vinacontrol Quảng Ninh kết luận các mẫu than gửi giám định đều là than cám 3b.2.

Tại Kết luận định giá tài sản ngày 19/02/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Uông B, kết luận: 53,99 tấn than cám 3b.2 bị chiếm đoạt ngày 28/01/2019 trị giá 121.477.500 đồng; 52,707 tấn than cám 3b.2 bị chiếm đoạt ngày 13/02/2019 trị giá 118.590.700 đồng. Tổng số than bị chiếm đoạt là 106,697 tấn, trị giá 240.068.200 đồng.

Các vật chứng, tài sản, đồ vật đã thu giữ trong vụ án: 10 chiếc điện thoại di động (01 điện thoại Iphone 6 màu vàng trắng, gắn sim số 0904.200.393 của Lê Văn Ph; 01 điện thoại Iphone 6s màu vàng, gắn sim số 0979.991.233 của Nguyễn H3 V; 01 điện thoại Iphone 5 màu xám bạc, gắn sim số 0904.143.938 của Vũ Văn H1; 01 điện thoại Iphone 5 màu trắng, gắn sim số 0859.808.389 của Trương Văn C; 01 điện thoại Iphone 6s màu bạc, gắn sim số 0979.699.827 của Trương Quốc N; 01 điện thoại Philips màu đen, gắn sim số 0906.195.089 của Lê Mạnh H3; 01 điện thoại Nokia, Model: TA-1030 của Trịnh Chí L4; 01 điện thoại Nokia 8800 màu vàng của Vũ Hồng H2; 01 điện thoại Iphone 5 màu đen bạc, gắn sim số 0904.007.029 và 01 điện thoại Nokia X2 màu đen, gắn sim số 0348.591.677 của anh Hoàng Mạnh H3).

Số tiền 240.068.200 đồng nộp để tự nguyện khắc phục hậu quả (trong đó: Nguyễn Hùng V và gia đình V nộp 22.000.000 đồng; Lê Hồng Q2 nộp 8.000.000 đồng; Lê Văn Ph và gia đình Ph nộp 54.043.200 đồng; Vũ Hồng H2 và gia đình nộp 19.500.000 đồng; Vũ Văn H1 và gia đình nộp 20.000.000 đồng; gia đình Trương Văn C nộp 3.000.000 đồng; gia đình Trịnh Chí L4 nộp 23.525.000 đồng; Lê Mạnh H3 nộp 8.000.000 đồng; gia đình Trương Quốc N nộp 5.000.000 đồng; anh Nguyễn Bình Ch nộp 75.000.000 đồng; anh Hoàng Mạnh H3 nộp 2.000.000 đồng). 02 chiếc máy xúc bánh lốp nhãn hiệu Kawasaki của Công ty kho vận Đá Bạc; 03 chiếc xe ô tô tải biển kiểm soát 14C-121.82, 14C-120.00, 29C-390.71 cùng các giấy tờ liên quan; 01 USB loại 16GB (*ghi dữ liệu trích xuất 02 đoạn video ghi lại hình ảnh chiếm đoạt than tại kho than Khe Thần ngày 28/01/2019 và 13/02/2019*); 01 đầu ghi dữ liệu Camera giám sát tại trạm bảo vệ Kho than Khe Thần - Công ty Kho vận Đá Bạc.

Quá trình điều tra xác định các bị cáo Lê Mạnh H3, Lê Hồng Q2 tự ý sử dụng 02 chiếc máy xúc của Công ty kho vận Đá Bạc vào việc phạm tội; Trịnh Chí L4 tự ý sử dụng xe ô tô 29C-390.71 của Công ty TNHH thương mại và xây dựng Chất Lượng - Hà Nội vào việc phạm tội (L4 lái xe thuê cho Công ty Chất Lượng); anh Hoàng Mạnh H3 tự ý sử dụng xe ô tô 14C-120.00 thuộc sở hữu của anh Nguyễn Tuấn Khanh (H3 lái xe thuê cho anh Khanh), anh Nguyễn Bình Ch tự ý sử dụng xe ô tô 14C-121.82 của anh Nguyễn Trung H10 (anh trai ruột của Ch) vào việc vận chuyển than; chủ sở hữu các phương tiện không liên quan, không biết, Cơ quan điều tra đã trả lại các phương tiện trên cho chủ sở hữu hợp pháp.

Tại cơ quan điều tra, các bị cáo Lê Văn Ph, Nguyễn Hùng V, Vũ Văn H1, Vũ Hồng H2, Trịnh Chí L4, Lê Mạnh H3, Lê Hồng Q2, Trương Văn C, Trương Quốc N đều khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như nêu trên.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 112/2019/HSST ngày 22/10/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã quyết định:

1. Tuyên bố các bị cáo cáo Lê Văn Ph, Nguyễn Hùng V, Vũ Văn H1, Vũ Hồng H2, Trịnh Chí L4, Lê Mạnh H3, Lê Hồng Q2, Trương Văn C, Trương Quốc N phạm tội “Tham ô tài sản”.

2. Áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 353; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê Văn Ph 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 13/02/2019.

Áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Hùng V 07 (bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 13/02/2019.

Áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 353; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Vũ Văn H1 04 (bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án được trừ đi những ngày tạm giam từ ngày 14/02/2019 đến ngày 17/5/2019.

Áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trịnh Chí L4 36 (ba mươi sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 14/02/2019.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trương Văn C 36 (ba mươi sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 14/02/2019.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trương Quốc N 36 (ba mươi sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 13/02/2019.

Áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 353; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1 Điều 54; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Vũ Hồng H2 36 (ba mươi sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 5 năm, kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Vũ Hồng H2 cho Ủy ban nhân dân phường Vàng D, thành phố Uông B, tỉnh Quảng Ninh giám sát giáo dục trong thời gian thử thách; Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo Vũ Hồng H2 thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, bị cáo H2 phải thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của luật thi hành án hình sự, nếu cố ý vi phạm nghĩa vụ từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án này.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1 Điều 54; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê Mạnh H3 36 (ba mươi sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 5 năm, kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Lê Mạnh H3 cho Ủy ban nhân dân phường Thanh S, thành phố Uông B, tỉnh Quảng Ninh giám sát giáo dục trong thời gian thử thách; Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo Lê Mạnh H3 thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, bị cáo H3 phải thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của luật thi hành án hình sự, nếu cố ý vi phạm nghĩa vụ từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án này

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1 Điều 54; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê Hồng Q2 36 (ba mươi sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 5 năm kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Lê Hồng Q2 cho Ủy ban nhân dân phường Thanh S, thành phố Uông B, tỉnh Quảng Ninh giám sát giáo dục trong thời gian thử thách; Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.



Trường hợp bị cáo Lê Hồng Q2 thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, bị cáo Q2 phải thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của luật thi hành án hình sự, nếu cố ý vi phạm nghĩa vụ từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án này.

3. Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 5 Điều 353 Bộ luật hình sự, cấm đảm nhiệm chức vụ đối với các bị cáo Lê Văn Ph, Nguyễn Hùng V, Vũ Văn H1, Trương Văn C, Trương Quốc N trong thời hạn 01 (một) năm kể từ ngày các bị cáo chấp hành xong hình phạt tù.

4. Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584; Điều 585; Điều 589 Bộ luật dân sự: Buộc các bị cáo Lê Văn Ph, Nguyễn Hùng V, Vũ Văn H1, Vũ Hồng H2, Trịnh Chí L4; Lê Mạnh H3, Lê Hồng Q2, Trương Văn C, Trương Quốc N phải bồi thường cho Công ty PT. Vietmindoennergitamatổng số tiền là 240.068.200 đồng. Các bị cáo đã nộp số tiền trên vào Kho bạc Nhà nước tỉnh Quảng Ninh (theo Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 04/3/2019; 01/4/2019; 11/4/2019) và Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh (theo Biên lai thu tiền số 0001259 ngày 20/9/2019). Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Công ty PT. Vietmindoennergitamacó quyền yêu cầu Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh thi hành số tiền nói trên.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 05/11/2019, bị hại là Công ty PT. Vietmindoennergitamacó đơn kháng cáo với nội dung đề nghị tăng mức hình phạt tù đối với cáo bị cáo trong vụ án, buộc các bị cáo phải bồi thường thêm cho bị hại và xử lý trách nhiệm hình sự người đã tiếp tay cho tội phạm để tiêu thụ tài sản.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo: Lê Văn Ph, Nguyễn Hùng V, Vũ Văn H1, Trương Văn C, Trương Quốc N, Lê Mạnh H3, Lê Hồng Q2, Trịnh Chí L4 và Vũ Hồng H2 đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện đúng như nội dung cáo trạng và bản án sơ thẩm đã quy kết về hành vi phạm tội của các bị cáo. Các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị hại đề nghị tăng mức hình phạt tù đối với các bị cáo, cũng như việc đại diện bị hại đề nghị các bị cáo bồi thường thêm cho Công ty PT. Vietmindoennergitamatai phiên tòa phúc thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Sau khi kiểm tra tính có căn cứ pháp luật của bản án sơ thẩm đã khẳng định: Tòa án cấp sơ thẩm đã kết án các bị cáo đều về tội “Tham ô tài sản” và đã áp dụng pháp luật xử phạt từng bị cáo với mức hình phạt cụ thể là đúng pháp luật, vì đã đánh giá đúng về tính chất - mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, đã xem xét đầy đủ khách quan các tình tiết tăng nặng - giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, từ đó đã áp dụng pháp luật xử phạt từng bị cáo với mức hình phạt phù hợp với hành

vi phạm tội của từng bị cáo, mức hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với các bị cáo không phải là quá nhẹ như kháng cáo của bị hại; do đó, không có căn cứ pháp luật để chấp nhận nội dung kháng cáo của bị hại là tăng hình phạt tù đối với các bị cáo và buộc phải bồi thường thêm cho bị hại, mà cần phải giữ nguyên quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với các bị cáo.

Đại diện công ty PT.Vietmindoennergitama (Ông Eko Satriono) đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận nội dung kháng cáo của bị hại để xét xử đối với các bị cáo nhằm đảm bảo quyền lợi cho Công ty PT. Vietmindoennergitama.

Người bảo vệ quyền lợi của Công ty PT.Vietmindoennergitama: Các luật sư Lại Thu Tr và anh Trần Tuấn A đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận như nội dung kháng cáo của bị hại và trình bày của đại diện Công ty PT. Vietmindoennergitama tại phiên tòa.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả xét hỏi tranh tụng - tranh luận công khai tại phiên tòa, ý kiến của các bị cáo, luật sư, bị hại, Kiểm sát viên.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

**[1] Về tố tụng:** Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án thì các cơ quan và người tiến hành tố tụng đều đã thực hiện đúng quy định của pháp luật, không có thắc mắc, khiếu nại nội dung gì.

**[2] Về nội dung:** Tại phiên tòa phúc thẩm tất cả các bị cáo đều thành khẩn khai nhận hành vi đồng phạm phạm tội “Tham ô tài sản” mà các bị cáo đã cùng nhau thực hiện đúng như nội dung cáo trạng và bản án hình sự sơ thẩm đã quy kết về hành vi phạm tội của từng bị cáo, cụ thể: Trong các ngày 28/01/2019 và 13/02/2019 bị cáo Lê Văn Ph đã lợi dụng nhiệm vụ, quyền hạn được giao trực tiếp quản lý, bảo vệ bãi than trong kho than Khe Thần của Công ty PT.Vietmindoennergitama ở tại xã Thương Yên Công, thành phố Uông B, tỉnh Quảng Ninh, từ đó Lê Văn Ph đã thông đồng, móc nối, cấu kết với bảo vệ, lái máy xúc của Công ty kho vận Đá Bạc gồm: Nguyễn Hùng V, Vũ Văn H1, Lê Mạnh H3, Lê Hồng Q2, Trương Văn C, Trương Quốc N và một số đối tượng ở bên ngoài, như: Vũ Hồng H2, Trịnh Chí L4 để chiếm đoạt tài sản và đã chiếm đoạt được 106,697 tấn than cám 3b.2, trị giá 240.068.200 đồng của Công ty PT.Vietmindoennergitama. Trong đó, Lê Văn Ph, Nguyễn Hùng V, Vũ Văn H1, Vũ Hồng H2, Trịnh Chí L4 chiếm đoạt 106,697 tấn than cám 3b.2, trị giá 240.068.200 đồng. Ngày 28/01/2019 Lê Mạnh H3, Trương Văn C chiếm đoạt được 53,99 tấn than cám 3b.2, trị giá 121.477.500 đồng. Ngày 13/02/2019 Lê Hồng Q2 và Trương Quốc N chiếm đoạt được 52,707 tấn than cám 3b.2, trị giá 118.590.700 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo đều tiếp tục thừa nhận hành vi phạm tội của các bị cáo đã bị Tòa án cấp sơ thẩm kết án về tội “Tham ô tài sản” là có căn cứ, đúng pháp luật. Các bị cáo không có ý kiến gì khác về nội dung đã xét xử đối với

các bị cáo, chỉ đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận nội dung kháng cáo tăng mức hình phạt tù và tăng bồi thường đối với các bị cáo như đề nghị của bị hại.

Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất - mức độ nguy hiểm cho xã hội về hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nghiêm trọng, vì các bị cáo đã lợi dụng chức năng nhiệm vụ, quyền hạn được giao trực tiếp về quản lý tài sản là bãi than, kho than thì các bị cáo đã móc nối cấu kết với nhau và cùng với đối tượng bên ngoài công ty để chiếm đoạt tài sản, đem bán rồi chia nhau hưởng lợi với tổng số tiền 240 triệu đồng. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá về nhân thân thì các bị cáo đều chưa có tiền án - tiền sự và đều là công nhân, nhân dân lao động nhất thời phạm tội, sau khi vụ án bị phát hiện thì tất cả các bị cáo đều thành khẩn khai báo, có một số bị cáo ra đầu thú và đã tự nguyện bồi thường, có bị cáo là con của gia đình có công với cách mạng, bố mẹ được tặng thưởng nhiều Huân, Huy chương, số tiền chiếm đoạt được thì các bị cáo đã khắc phục đầy đủ cho bị hại. Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã đánh giá đúng vai trò, vị trí của từng bị cáo, từ đó đã áp dụng pháp luật xử phạt từng bị cáo với mức hình phạt cụ thể và phù hợp với hành vi phạm tội của từng bị cáo với mức hình phạt đó thì Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy là đã phù hợp với pháp luật, không quá nhẹ như nội dung kháng cáo của đại diện bị hại. Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội cũng khẳng định: Không có căn cứ để tăng mức hình phạt tù đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị hại, để giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về nội dung kháng cáo đề nghị buộc các bị cáo phải bồi thường thêm cho bị hại. Tại bản Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự của Hội đồng định giá tài sản UBND thành phố Uông Bí ngày 19/02/2019 đã kết luận: Tổng số than các bị cáo chiếm đoạt là 106,697 tấn trị giá tài sản 240.068.200 đồng. Hội đồng định giá đã căn cứ vào bảng giá của Tổng công ty khoáng sản và cũng đã xem xét đến giá trị thị trường tại địa phương nơi xảy ra vụ án; do đó, không có căn cứ để buộc các bị cáo phải bồi thường thêm cho bị hại.

Về nội dung kháng cáo của bị hại cho rằng: còn một số đối tượng khác chưa bị xử lý hình sự, vấn đề này Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì thấy ngoài các bị cáo bị truy tố xét xử sơ thẩm, thì không còn có căn cứ pháp luật để cho rằng còn bỏ lọt tội phạm như đã được thể hiện trong bản kết luận điều tra và trong cáo trạng của Viện kiểm sát, cũng như trong bản án của Tòa án cấp sơ thẩm đã đề cập. Hơn nữa, do giới hạn của việc xét xử thì Viện kiểm sát không truy tố thì Tòa án không được giải quyết và do cấp sơ thẩm chưa giải quyết nên không thuộc phạm vi xét xử phúc thẩm.

Từ những nhận định trên đây, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy không có căn cứ pháp luật để chấp nhận những nội dung kháng cáo nêu trên của bị hại

mà cần thiết phải giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 112/2019/HSST ngày 22/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

Bị hại kháng cáo không được tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận về những nội dung như đã nêu trên, nên phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên và căn cứ vào các Điều 355, 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị hại về việc đề nghị tăng mức hình phạt tù, tăng tiền bồi thường đối với các bị cáo và bỏ lọt tội phạm như nội dung kháng cáo của bị hại, để giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 112/2019/HSST ngày 22/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh, như sau:

\* Tuyên bố: Các bị cáo Lê Văn Ph, Nguyễn Hùng V, Vũ Văn H1, Vũ Hồng H2, Trịnh Chí L4, Lê Mạnh H3, Lê Hồng Q2, Trương Văn C và Trương Quốc N đều phạm tội “Tham ô tài sản”.

Áp dụng các điểm c, d khoản 2 Điều 353; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê Văn Ph 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 13/02/2019.

Áp dụng các điểm c, d khoản 2 Điều 353; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Hùng V 07 (bảy) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 13/02/2019.

Áp dụng các điểm c, d khoản 2 Điều 353; các điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Vũ Văn H1 04 (bốn) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án (được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam trước đó từ ngày 14/02/2019 đến ngày 17/5/2019).

Áp dụng các điểm c, d khoản 2 Điều 353; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trịnh Chí L4 36 (ba mươi sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/02/2019.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 353; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trương Văn C 36 (ba mươi sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/02/2019.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 353; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trương Quốc N 36 (ba mươi sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 13/02/2019.

Áp dụng các điểm c, d khoản 2 Điều 353; các điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1 Điều 54; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật

hình sự, xử phạt bị cáo Vũ Hồng H2 36 (ba mươi sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Vũ Hồng H2 cho Ủy ban nhân dân phường Vàng D, thành phố Uông B, tỉnh Quảng Ninh giám sát giáo dục trong thời gian thử thách;

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 353; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1 Điều 54; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê Mạnh H3 36 (ba mươi sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lê Mạnh H3 cho Ủy ban nhân dân phường Thanh S, thành phố Uông B, tỉnh Quảng Ninh giám sát giáo dục trong thời gian thử thách;

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 353; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1 Điều 54; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê Hồng Q2 36 (ba mươi sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lê Hồng Q2 cho Ủy ban nhân dân phường Thanh S, thành phố Uông B, tỉnh Quảng Ninh giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo H2 và Q2 có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách án treo.

Trường hợp các bị cáo Vũ Hồng H2, Lê Mạnh H3, Lê Hồng Q2 thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách các bị cáo Vũ Hồng H2, Lê Mạnh H3, Lê Hồng Q2 phải thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của luật thi hành án hình sự, nếu cố ý vi phạm nghĩa vụ từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án này.

\* Về bồi thường thiệt hại: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự và các Điều 584; Điều 585; Điều 589 Bộ luật dân sự: Buộc các bị cáo Lê Văn Ph, Nguyễn Hùng V, Vũ Văn H1, Vũ Hồng H2, Trịnh Chí L4, Lê Mạnh H3, Lê Hồng Q2, Trương Văn C và Trương Quốc N phải bồi thường cho Công ty PT. Vietmind Energitama tổng số tiền là 240.068.200 đồng. Các bị cáo đã nộp số tiền trên vào Kho bạc Nhà nước tỉnh Quảng Ninh (theo Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 04/3/2019; 01/4/2019; 11/4/2019) và Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh theo Biên lai thu tiền số 0001259 ngày 20/9/2019.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

2. Về án phí: Công ty PT. Vietmind Energitama phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm (được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số AA/2019/0002022 ngày 27/11/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh).

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- TTG - Công an tỉnh Quảng Ninh;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ninh;
- Các bị cáo;
- Bị hại (theo đ/c);
- Lưu HS, VT.

## **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Xuân Hùng**